TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2026.
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thiện

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hằng – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4-Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/7/2026; Quyết định hoãn phiên Toà số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ly Thị M – Sinh năm: 1985.. Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Chang A S – Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt lần hai không có lý do.

3. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Lường Văn B – Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T1 và đấu giá tài sản tỉnh Điện Biên, có mặt.

4. *Người phiên dịch cho nguyên đơn*: Anh Lầu Trung T, sinh năm: 1999, địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2026, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ly Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C A S chung sống với nhau tại bản Nậm Cang, xã M, tỉnh Điện Biên từ năm 2007 không đăng ký kết hôn. C1 sống là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Từ khi về chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc không có gì mâu thuẫn lớn. Sau đó được một thời gian đến khi chị sinh khi cháu H được 6 tuổi thì mâu thuẫn xảy ra thường xuyên. Đỉnh điểm khoảng 01 năm gần đây sau khi anh S đi chấp hành án phạt tù về thì thường xuyên uống rượu, lang thang bên ngoài, không chăm lo cuộc sống gia đình gây xích mích, chửi bới, xúc phạm và có đánh đập chị. Sự việc xảy ra chị có khuyên nhủ anh S nhưng anh S không nghe, không thay đổi đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ cùng bản ở đến thời điểm nộp đơn đã được 01 năm. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết ly hôn cho chị và anh Chang A S theo quy định pháp luật.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung Chang A B1, sinh ngày 10/4/2008 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009, có nguyện vọng ở cùng chị, hiện đang ở cùng chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng việc nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh C A S không có mặt tại nơi ở nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Thư ký đã kết hợp với chính quyền xã, trưởng bản lập biên bản về việc tống đạt thông báo thụ lý đối với anh Chang A S. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án lập biên bản về việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án anh S vẫn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành xác minh, tại biên bản xác minh về nguyên nhân xẩy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị M và anh S ngày 18/5/2026 thể hiện: Chị Ly Thị M và anh C A S chung sống cùng nhau tại bản Nậm Cang, xã M, tỉnh Điện Biên đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau này phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, hiện chị M đã về sống cùng bố mẹ đẻ ở cùng bản. Có 02 con chung là Chang A B1, sinh ngày 10/4/2008 và Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom con chung, chị M và anh S không có công việc làm ổn định, nhưng có đủ sức khỏe lao động, kiếm thu nhập, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Cùng ngày Toà án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của anh S. Theo kết quả anh S có đăng ký thường trú tại bản Nậm Cang, xã M, tỉnh Điện Biên. Anh S là lao động tự do, không có công việc ổn định nên thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, chỉ thấy về nhà vào dịp lễ tết. Anh S hiện chưa đăng ký tạm trú nơi nào khác.

Ngày 04/6/2026 Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự anh S vắng mặt không có lý do, chị M đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/7/2026 tại phiên tòa anh S vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định theo luật định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn, về phần con chung cháu B1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu H hiện đang ở cùng chị, có nguyện vọng được ở với chị. Do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận ý kiến của chị và cháu, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lường Văn B trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến chị M tại phiên toà để xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ly Thị M và anh Chang A S; Về con chung: Giao cháu Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng việc nuôi con chung; Về tài sản, nợ: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí đề nghị HĐXX miễn án phí cho chị M theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 5; khoản 1, khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ly Thị M và anh Chang A S.

- Về con chung: Giao cháu Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009 cho chị Ly Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Ghi nhận việc chị

M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng việc nuôi con chung. Anh S được đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản, nợ: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ly Thị M phải chịu án phí DSST tuy nhiên chị M là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, chị M có đơn xin miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 03/7/2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên mở phiên tòa xét xử anh Chang A S bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M có mặt, anh S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Ly Thị M và anh C A S về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn (xác nhận của UBND xã M, tỉnh Điện Biên) là có thật. Đến thời điểm chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minhtình trạng hôn nhân, tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án,

thông báo thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh S nhưng anh S vẫn không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh S đã không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh S đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ ngày 04/6/2026, chị Ly Thị M đã có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Chị M và anh S có mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, chị M hiện đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở cùng bản ở, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh S không có mặt tại Tòa án để thể hiện ýkiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, qua các tài liệu chứng cứ cótrong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạnghôn nhân, đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn là có thật và đúng nhưlời khai của chị M. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chămsóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mụcđích hôn nhân không đạt được. Nay chị Ly Thị M có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ly Thị M và anh Chang A S.

- Về con chung: Chị M và anh S có 02 con chung là cháu Chang A B1, sinh ngày 10/4/2008 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động chị M không yêu cầu giải quyết. Cháu Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009, có nguyện vọng ở với mẹ và chị M cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, đối với Chang A, sinh ngày 10/4/2008 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường chị không yêu cầu Toà án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với Chang Thị H căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu, nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của chị M. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX quyết định giao cháu Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị M không yêu cầu anh S cấp

dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

- Về tài sản và nợ: Trong quá trình giải quyết chị M không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[3] Án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Ly Thị M là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên chị Ly Thị M là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị M có đơn xin miễn án phí nên HĐXX cần căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị M là phù hợp.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên tại phiên tòa và những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84, của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 5; khoản 1, khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ly Thị M và anh Chang A S.

2. Về con chung: Giao cháu Chang Thị H, sinh ngày 09/3/2009 cho chị Ly Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Ghi nhận việc chị Ly Thị M không yêu cầu anh C A S phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu. Tòa án sẽ xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ly Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ly Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/8/2026). Anh Chang A S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ, KT, TT & TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 4 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP của NĐ;
- UBND xã Mường Tùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Chức